

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014*  
*đã được soát xét*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>02 – 03</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính</b>	<b>04</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét</b>	<b>05 – 28</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1903000500 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500302820 ngày 03 tháng 7 năm 2009. Các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **40.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 28).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Ứng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Trần Trọng Diên	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức vụ chủ tịch và là ủy viên từ ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên	
Ông Đinh Viết Long	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Đức Thảo	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Trần Bình Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Cao Thắng	Giám đốc	
Ông Trần Quang Đình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/6/2014
Ông Trần Bình Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/6/2014
Ông Nguyễn Hồng Tước	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Ngọc Phượng	Phụ trách kế toán	

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

---

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 8 năm 2014

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**



**Nguyễn Cao Thắng**

Số: 279/2014/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được soát xét bởi tổ chức kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Giám đốc

**Bùi Ngọc Vương**  
Số Giấy CN ĐKHN  
kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



**Bùi Thị Ngọc Lân**  
Số Giấy CN ĐKHN  
kiểm toán: 0300-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>142.078.271.421</b>	<b>116.711.525.067</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>643.606.885</b>	<b>3.009.604.252</b>
1.	Tiền	111	V.01	643.606.885	3.009.604.252
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>74.675.614.924</b>	<b>85.644.975.410</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		76.059.058.002	87.075.707.909
2.	Trả trước cho người bán	132		465.853.063	368.547.689
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	13.787.878	203.323.759
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.863.084.019)	(2.002.603.947)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>62.809.711.444</b>	<b>26.127.615.242</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	66.845.766.495	30.163.670.293
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.04	(4.036.055.051)	(4.036.055.051)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.949.338.168</b>	<b>1.929.330.163</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.742.535.995	12.532.671
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.206.802.173	1.916.797.492

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.437.787.607</b>	<b>40.265.253.771</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.644.885.555</b>	<b>38.098.307.589</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	28.061.253.300	29.468.376.362
	- Nguyên giá	222		64.786.675.938	62.890.959.967
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.725.422.638)	(33.422.583.605)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	1.437.878.780	2.764.492.306
	- Nguyên giá	225		2.415.636.364	4.210.853.364
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(977.757.584)	(1.446.361.058)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	6.145.753.475	5.865.438.921
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.792.902.052</b>	<b>2.166.946.182</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.623.995.608	1.800.565.738
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.10	168.906.444	366.380.444
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>179.516.059.028</b>	<b>156.976.778.838</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>138.896.464.468</b>	<b>114.152.836.004</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.896.464.468</b>	<b>114.152.836.004</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	36.914.160.434	44.197.268.162
2.	Phải trả người bán	312		41.327.665.482	37.288.375.990
3.	Người mua trả tiền trước	313		45.543.683.543	9.201.878.285
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	287.530.987	6.949.149.567
5.	Phải trả người lao động	315		5.869.932.905	3.538.040.678
6.	Chi phí phải trả	316	V.13	228.400.000	42.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	7.037.628.151	11.141.356.256
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.687.462.966	1.794.767.066
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.619.594.560</b>	<b>42.823.942.834</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>40.619.594.560</b>	<b>42.823.942.834</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.736.131.836	3.736.131.836
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.868.073.535	1.868.073.535
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.618.610.811)	(6.414.262.537)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>179.516.059.028</b>	<b>156.976.778.838</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

  
Nguyễn Cao Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	39.783.599.810	41.201.771.846
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.02	39.783.599.810	41.201.771.846
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	34.010.564.384	29.667.915.516
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		5.773.035.426	11.533.856.330
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	10.500.530	2.182.542.708
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.341.441.408	3.529.653.728
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.341.441.408	3.166.909.712
8.	Chi phí bán hàng	24		2.528.069.268	3.232.882.504
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.715.042.966	5.994.549.792
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		(2.801.017.686)	959.313.014
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.066.679.623	-
12.	Chi phí khác	32	VI.07	470.010.211	-
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		596.669.412	-
14.	<b>Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh</b>	45		-	-
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		(2.204.348.274)	959.313.014
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	239.828.254
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		(2.204.348.274)	719.484.760
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(2.204.348.274)	719.484.760
19.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.09	(551)	180

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc






Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(2.204.348.274)	959.313.014
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		2.984.511.937	2.590.912.118
-	Các khoản dự phòng	03		(139.519.928)	-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(180.641.814)	(2.582.542.708)
-	Chi phí lãi vay	06		2.341.441.408	3.529.653.728
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		2.801.443.329	4.497.336.152
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		9.088.872.409	3.493.695.379
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(36.682.096.202)	(4.972.164.058)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		37.462.952.810	(8.002.029.811)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		176.570.130	2.763.297.033
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(2.471.672.036)	(3.529.653.728)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.098.681.890)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		197.474.000	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(107.304.100)	(126.800.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.367.558.450</b>	<b>(5.876.319.033)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(595.494.074)	(2.640.305.417)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		234.545.455	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.500.530	2.182.542.708
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(350.448.089)</b>	<b>(457.762.709)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		50.582.304.826	47.798.615.926
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57.306.570.856)	(40.625.117.641)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(558.841.698)	(517.701.998)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.100.000.000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.383.107.728)</b>	<b>6.655.796.287</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2.365.997.367)</b>	<b>321.714.545</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.009.604.252</b>	<b>727.382.243</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>643.606.885</b>	<b>1.049.096.788</b>

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

#### 02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### 03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 03. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2014	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Thôn Lục Liêu, xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	100%	100%	100%

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

#### **03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định;
- Chi phí gia công ván khuôn;
- Chi phí thương hiệu Vinaconex Xuân Mai;
- Chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành để lại cho Công ty Cổ phần.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND*

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
<b>01. Tiền</b>		
- Tiền mặt	130.708.284	160.270.267
- Tiền gửi ngân hàng	512.898.601	2.849.333.985
<b>Cộng</b>	<b>643.606.885</b>	<b>3.009.604.252</b>
<b>02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Phải thu khác		
+ Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	13.787.878	63.803.831
+ Các đối tượng khác	-	139.519.928
<b>Cộng</b>	<b>13.787.878</b>	<b>203.323.759</b>
<b>03. Hàng tồn kho</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	8.664.390.485	7.427.955.424
- Công cụ, dụng cụ	-	5.780.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.865.605.068	6.133.499.211
- Thành phẩm	48.683.686.520	15.964.351.236
- Hàng gửi đi bán	632.084.422	632.084.422
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>66.845.766.495</b>	<b>30.163.670.293</b>
<b>04. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
Thành phẩm	(4.036.055.051)	(4.036.055.051)
<b>Cộng</b>	<b>(4.036.055.051)</b>	<b>(4.036.055.051)</b>
<b>05. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng	2.206.802.173	1.916.797.492
<b>Cộng</b>	<b>2.206.802.173</b>	<b>1.916.797.492</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>35.728.482.946</b>	<b>19.427.684.789</b>	<b>5.830.872.980</b>	<b>1.903.919.252</b>	<b>62.890.959.967</b>
- Mua trong kỳ	-	305.305.826	-	-	305.305.826
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	1.805.090.694	-	-	1.805.090.694
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(214.680.549)	-	-	(214.680.549)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>35.728.482.946</b>	<b>21.323.400.760</b>	<b>5.830.872.980</b>	<b>1.903.919.252</b>	<b>64.786.675.938</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.911.910.991</b>	<b>13.853.233.807</b>	<b>4.025.863.012</b>	<b>1.631.575.795</b>	<b>33.422.583.605</b>
- Khấu hao trong kỳ	1.400.106.904	791.799.669	413.318.768	78.511.354	2.683.736.695
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	769.378.716	-	-	769.378.716
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(150.276.378)	-	-	(150.276.378)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.312.017.895</b>	<b>15.264.135.814</b>	<b>4.439.181.780</b>	<b>1.710.087.149</b>	<b>36.725.422.638</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>21.816.571.955</b>	<b>5.574.450.982</b>	<b>1.805.009.968</b>	<b>272.343.457</b>	<b>29.468.376.362</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>20.416.465.051</b>	<b>6.059.264.946</b>	<b>1.391.691.200</b>	<b>193.832.103</b>	<b>28.061.253.300</b>

- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 10.975.634.115 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.210.853.364</i>	-	<i>4.210.853.364</i>
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.795.217.000)	-	(1.795.217.000)
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>2.415.636.364</i>	-	<i>2.415.636.364</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.446.361.058</i>	-	<i>1.446.361.058</i>
- Khấu hao trong kỳ	300.775.242	-	300.775.242
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(769.378.716)	-	(769.378.716)
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>977.757.584</i>	-	<i>977.757.584</i>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.764.492.306</i>	-	<i>2.764.492.306</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>1.437.878.780</i>	-	<i>1.437.878.780</i>

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2014	01/01/2014
Bao gồm các công trình:		
- Dự án mỏ đá thôn Lục Liêu	6.145.753.475	5.865.438.921
<b>Cộng</b>	<b>6.145.753.475</b>	<b>5.865.438.921</b>

**09. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/6/2014	01/01/2014
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	247.951.969	246.534.992
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	335.276.946	264.030.873
- Chi phí gia công ván khuôn	935.690.922	1.105.685.420
- Chi phí thương hiệu Vinaconex Xuân Mai	50.000.010	100.000.008
- Chi phí khác	55.075.761	84.314.445
<b>Cộng</b>	<b>1.623.995.608</b>	<b>1.800.565.738</b>

**10. Tài sản dài hạn khác**

	30/6/2014	01/01/2014
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	168.906.444	366.380.444
<b>Cộng</b>	<b>168.906.444</b>	<b>366.380.444</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>36.589.410.423</b>	<b>42.977.269.949</b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>36.589.410.423</i>	<i>42.977.269.949</i>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc <sup>(a)</sup>	23.885.384.763	24.556.910.885
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vĩnh Phúc <sup>(b)</sup>	9.262.439.738	11.953.915.031
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc <sup>(c)</sup>	3.441.585.922	5.266.444.033
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội -CN Vĩnh Phúc	-	1.200.000.000
- <b>Vay đối tượng khác</b>	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>324.750.011</b>	<b>1.219.998.213</b>
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>168.750.000</i>	<i>505.156.504</i>
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội -CN Vĩnh Phúc	168.750.000	505.156.504
- <i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>156.000.011</i>	<i>714.841.709</i>
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	156.000.011	468.000.009
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - CN Hà Nội	-	246.841.700
<b>Cộng</b>	<b><u>36.914.160.434</u></b>	<b><u>44.197.268.162</u></b>

- (a) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 14/DN-ĐB/NHHM019 ngày 20/01/2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE416800 và số BE416561 bao gồm quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản của bên thứ ba.
- (b) Là khoản vay theo hợp đồng số 79.14.355.924402.TĐ ngày 20/01/2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho (20.000.000.000 đồng) và tài sản của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Mai bao gồm: khoản phải thu 40.800.000.000 đồng và quyền đòi nợ số tiền 15.300.000.000 đồng.
- (c) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/362395/HDTD ngày 03/04/2014 để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở thư tín dụng L/C (nếu có). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô Toyota Innova BKS 88K-1187, cầu trục hai dầm Q=7,5 tấn, hệ thống đường điện, hệ thống đường ray, xưởng sản xuất cầu kiện bê tông 1 và các thiết bị đi kèm của công ty tại khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	3.703.794.126
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.098.681.890
- Thuế thu nhập cá nhân	287.530.987	146.673.551
<b>Cộng</b>	<b><u>287.530.987</u></b>	<b><u>6.949.149.567</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Chi phí phải trả**

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Chi phí tiền thuê đất	203.400.000	-
- Chi phí khác	25.000.000	42.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>228.400.000</u></b>	<b><u>42.000.000</u></b>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Kinh phí công đoàn	1.059.061.170	1.088.024.820
- Bảo hiểm xã hội	1.035.542.879	2.451.996.428
- Bảo hiểm thất nghiệp	45.543.638	23.358.550
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.897.480.464	7.577.976.458
+ <i>Vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên</i>	2.935.934.661	3.481.055.336
+ <i>Thưởng ban điều hành</i>	350.000.000	350.000.000
+ <i>Cổ tức năm 2012</i>	-	2.100.000.000
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	78.889.271	209.119.899
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.532.656.532	1.437.801.223
<b>Cộng</b>	<b><u>7.037.628.151</u></b>	<b><u>11.141.356.256</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Vốn chủ sở hữu**  
**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.634.000.000</b>	<b>2.640.228.796</b>	<b>1.403.271.251</b>	<b>12.942.309.891</b>	<b>60.619.809.938</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(10.414.262.537)	(10.414.262.537)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	1.095.903.040	464.802.284	(8.942.309.891)	(7.381.604.567)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.634.000.000</b>	<b>3.736.131.836</b>	<b>1.868.073.535</b>	<b>(6.414.262.537)</b>	<b>42.823.942.834</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>						
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(2.204.348.274)	(2.204.348.274)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.634.000.000</b>	<b>3.736.131.836</b>	<b>1.868.073.535</b>	<b>(8.618.610.811)</b>	<b>40.619.594.560</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	26.000.000.000	26.000.000.000
+ Các cổ đông khác	14.000.000.000	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>40.000.000.000</u></b>	<b><u>40.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	39.783.599.810	41.201.771.846
<b>Cộng</b>	<b><u>39.783.599.810</u></b>	<b><u>41.201.771.846</u></b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.010.564.384	29.667.915.516
<b>Cộng</b>	<b><u>34.010.564.384</u></b>	<b><u>29.667.915.516</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.500.530	8.382.619
- Lãi bán hàng trả chậm	-	2.174.160.089
<b>Cộng</b>	<b><u>10.500.530</u></b>	<b><u>2.182.542.708</u></b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Lãi tiền vay	2.341.441.408	3.166.909.712
- Chi phí lãi chậm thanh toán	-	362.744.016
<b>Cộng</b>	<b><u>2.341.441.408</u></b>	<b><u>3.529.653.728</u></b>

**05. Thu nhập khác**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	234.545.455	-
- Thu nhập khác	832.134.168	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.066.679.623</u></b>	<b><u>-</u></b>

**06. Chi phí khác**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	64.404.171	-
- Chi phí khác	405.606.040	-
<b>Cộng</b>	<b><u>470.010.211</u></b>	<b><u>-</u></b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	-	239.828.254
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>239.828.254</u></b>

*Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.204.348.274)	959.313.014
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(2.204.348.274)	959.313.014
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Thuế TNDN	-	239.828.254
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>239.828.254</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.204.348.274)	719.484.760
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.204.348.274)	719.484.760
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(551)</b>	<b>180</b>

**09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.626.035.716 ✓	28.804.701.646
- Chi phí nhân công	14.478.551.160 ✓	10.173.287.278
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.984.511.937 ✓	3.104.717.971
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.209.343.206	2.031.176.424
- Chi phí khác bằng tiền	2.406.675.740 ✓	3.181.700.718
<b>Cộng</b>	<b>75.705.117.759</b>	<b>47.295.584.037</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban Giám đốc.

Thu nhập của Ban giám đốc như sau:

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
Tiền lương	341.584.140	271.446.639
<b>Cộng</b>	<b>341.584.140</b>	<b>271.446.639</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - chi nhánh Hà Đông
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - chi nhánh Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Vinaconex Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai

**Mối quan hệ**

- Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
<b>- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	21.686.947.818	24.493.173.105
- Mua hàng	36.828.352.274	5.253.385.653
- Sử dụng dịch vụ	208.610.148	-
- Mua tài sản cố định	225.213.826	-
- Doanh thu lãi chậm thanh toán	826.484.168	2.174.160.089
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	9.485.196.767
- Mua hàng	-	134.402.750
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai</b>		
- Mua hàng	308.411.363	510.466.380
<b>Công ty CP Xây lắp Xuân Mai</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	454.823.259
- Mua hàng	-	162.205.093
<b>Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xuân Mai</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	55.163.636
<b>Công ty CP Cơ giới vận tải Vinaconex Xuân Mai</b>		
- Mua hàng	572.261.724	359.014.745
- Chi phí lãi trả chậm	22.052.457	211.897.007

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
<b>- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai</b>		
Phải thu khách hàng	74.406.161.611	83.275.457.449
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>74.406.161.611</b>	<b>83.275.457.449</b>
<b>- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai</b>		
- Phải trả người bán	19.571.899.193	12.471.910.487
- Người mua trả tiền trước	44.966.101.043	4.490.881.399
<b>- Công ty CP Cơ giới vận tải Vinaconex Xuân Mai</b>		
- Phải trả người bán	776.367.821	788.870.017
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>65.314.368.057</b>	<b>17.751.661.903</b>

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30/6/2014		01/01/2014		30/6/2014	01/01/2014
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	643.606.885	-	3.009.604.252	-	643.606.885	3.009.604.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.072.845.880	(1.863.084.019)	87.279.031.668	(2.002.603.947)	74.209.761.861	85.276.427.721
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>76.716.452.765</b>	<b>(1.863.084.019)</b>	<b>90.288.635.920</b>	<b>(2.002.603.947)</b>	<b>74.853.368.746</b>	<b>88.286.031.973</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/6/2014		01/01/2014	
	30/6/2014	01/01/2014	30/6/2014	01/01/2014
Phải trả cho người bán	41.327.665.482	37.288.375.990	41.327.665.482	37.288.375.990
Vay và nợ	36.914.160.434	44.197.268.162	36.914.160.434	44.197.268.162
Chi phí phải trả	228.400.000	42.000.000	228.400.000	42.000.000
Các khoản phải trả khác	4.897.480.464	7.577.976.458	4.897.480.464	7.577.976.458
<b>Cộng</b>	<b>83.367.706.380</b>	<b>89.105.620.610</b>	<b>83.367.706.380</b>	<b>89.105.620.610</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>30/6/2014</b>				
Phải trả cho người bán	41.327.665.482	-	-	41.327.665.482
Vay và nợ	36.914.160.434	-	-	36.914.160.434
Chi phí phải trả	228.400.000	-	-	228.400.000
Các khoản phải trả khác	4.897.480.464	-	-	4.897.480.464
<b>Cộng</b>	<b>83.367.706.380</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>83.367.706.380</b>
				-
<b>01/01/2014</b>				
Phải trả cho người bán	37.288.375.990	-	-	37.288.375.990
Vay và nợ	44.197.268.162	-	-	44.197.268.162
Chi phí phải trả	42.000.000	-	-	42.000.000
Các khoản phải trả khác	7.577.976.458	-	-	7.577.976.458
<b>Cộng</b>	<b>89.105.620.610</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>89.105.620.610</b>

### 06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **07. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được soát xét bởi đơn vị kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

## **08. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

**Người lập biểu**

**Phụ trách kế toán**

**Giám đốc**



**Phan Thị Thanh Doan**

**Nguyễn Ngọc Phượng**

**Nguyễn Cao Thắng**